

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ PHÚC YÊN
TỈNH VĨNH PHÚC**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số : 10/2025/HNGĐ- ST
Ngày 22 - 4 - 2025
“V/v ly hôn, nuôi con chung”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ PHÚC YÊN - TỈNH VĨNH PHÚC

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Lưu Thị Thúy.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Đường Ngọc Đại và bà Doãn Thị Vệ;

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Phương Nhật Mai- Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Phúc Yên.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Phúc Yên tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Nam Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng năm 2025, tại Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Phúc Yên xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 250/2025/TLST- HNGĐ ngày 23 tháng 12 năm 2024 về việc tranh chấp: “Ly hôn và nuôi con chung”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 04/2025/QĐXXST - HNGĐ ngày 20 tháng 3 năm 2025 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Đỗ Phương T, sinh năm 1998;

Đăng ký HKTT: Tổ dân phố X 2, phường P, thành phố P, tỉnh Vĩnh Phúc, có mặt.

Nơi ở hiện tại: Thôn B, xã K, huyện M, T.P Hà Nội.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của chị T là ông Trần Quang V, sinh năm 1985- Luật sư của Đoàn Luật sư tỉnh Vĩnh Phúc;

Địa chỉ: Xã B, huyện Y, tỉnh Vĩnh Phúc, có mặt.

2. Bị đơn: Anh Đỗ Văn P, sinh năm 1997;

Địa chỉ: Tổ dân phố X 2, phường P, thành phố P, tỉnh Vĩnh Phúc, có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*Trong đơn xin ly hôn, bản tự khai và quá trình làm việc tại Tòa án; nguyên đơn là chị Đỗ Phương T trình bày:

- Về tình cảm: Chị và anh Đỗ Văn P đăng ký kết hôn ngày 17/9/2020, tại UBND phường P, thành phố, tỉnh Vĩnh Phúc trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện. Sau khi kết hôn, hai vợ chồng về chung sống cùng gia đình anh P ở Tổ dân phố X 2, phường P, thành phố P, tỉnh Vĩnh Phúc. Thời gian đầu, tình cảm vợ chồng hạnh

phúc, đến khoảng tháng 11 năm 2024, vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm, không có tiếng nói chung, mâu thuẫn về cách thức làm ăn và phương pháp nuôi dạy con. Khi hai vợ chồng lời qua tiếng lại, cãi vã anh P còn tác động vật lý bóp cổ chị 02 lần và tát chị 03 lần. Chị đã về nhà bố mẹ để sinh sống từ tháng 11/2024 cho đến nay, hai bên cũng không thể gặp gỡ nói chuyện và không còn quan tâm đến cuộc sống của nhau. Vì xác định không thể chung sống cùng anh P nữa, nên tết âm lịch năm 2025 vừa rồi chị cũng không về nhà anh P ăn Tết. Nay tình cảm vợ chồng giữa chị với anh P đã hết, nên đề nghị giải quyết cho chị ly hôn anh P.

- Về con chung: Chị và anh P có 01 con chung là cháu Đỗ Bảo N, sinh ngày 09/5/2021; hiện nay cháu N đang ở với anh P. Ly hôn, chị đề nghị được chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu N. Chị không yêu cầu anh P cấp dưỡng nuôi con. Hiện chị đang làm nhân viên thống kê kho tại Công ty TNHH Công nghệ chính xác JFS Việt Nam; thu nhập 12.000.000đồng/ tháng, đủ điều kiện nuôi con.

Trước khi về nhà bố mẹ để sinh sống chị đã để cho anh P nuôi cháu N, chị chưa bao giờ bỏ con. Chị vẫn thường xuyên đến thăm cháu N và nhiều lần đóng tiền học cho con vào tháng 8/2024, tháng 11/2024 và tháng 01/2025. Khi chị đến nhà anh P, trường Mầm Non để gặp thăm con và đón con, bố mẹ anh P và anh P thường xuyên ngăn cản không cho chị gặp. Từ lúc về nhà bố mẹ để sinh sống, chị chỉ được gặp và đưa con đi chơi một lần, nhà có giỗ tết gia đình anh P và anh P cũng không cho chị đón con. Hiện tại cháu N còn nhỏ, nên chị tha thiết mong muốn được nuôi con, chị sẽ không bao giờ ngăn cản quyền thăm hỏi con chung của anh P.

- Về tài sản chung: Chị và anh P không có tài sản chung gì, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*Tại bản tự khai, quá trình làm việc tại Tòa án, bị đơn anh Đỗ Văn P trình bày: Anh và chị Đỗ Phương T đăng ký kết hôn năm 2020 tại UBND phường Phúc Thắng trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện. Sau khi kết hôn chị T có về nhà anh làm dâu ngay ở chung với bố mẹ anh. Thời gian đầu vợ chồng sống hạnh phúc, nhưng các đây khoảng vài tháng (tháng 11 năm 2024), vợ chồng có lời qua tiếng lại với nhau về vấn đề tiền bạc chi tiêu. Chị T không kiểm soát được đồng tiền; nên anh có bảo đưa tiền cho anh chi tiêu quản lý, nhưng chị T không nhất trí, nên hai vợ chồng có lời qua tiếng lại với nhau. Đúng như chị T trình bày, trong lúc tức giận vì chị T không biết chăm con và không nghe lời nên anh có tát chị T và bóp cổ chị T 02 lần, nhưng không gây thương tích gì. Sau đó từ tháng 11 năm 2024 chị T đã tự ý về nhà bố mẹ đẻ tại Thôn B, xã K sinh sống cho đến nay. Anh cũng đã đến nhà bố mẹ vợ nói chuyện với chị T và đón chị T về nhưng chị T không nhất trí, sau đó bố mẹ hai bên gia đình cũng nói chuyện, nhưng

vẫn không có tiếng nói chung. Nay chị T xin ly hôn, thực sự anh cũng chẳng còn tình cảm với chị T, nhưng anh không nhất trí ly hôn vì muốn vợ chồng về nuôi dạy con cái khôn lớn, cho cháu N đỡ thiệt thòi.

*Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung là Đỗ Bảo N, sinh năm 2021; hiện cháu đang ở cùng với anh tại nhà bố mẹ anh. Nếu chị T vẫn cương quyết xin ly hôn, anh xin được nuôi cháu N và không yêu cầu chị T phải đóng góp nuôi con chung. Hiện tại anh đang làm công nhân tại Công ty HANWUA GRUP; khu Công nghiệp C, thị trấn Q, huyện M, Hà Nội, thu nhập 7.000.000 đồng/tháng. Ngoài ra thời gian rảnh rỗi anh còn buôn bán ngoài (Bán cá, tạp hóa) thu nhập khoảng 5.000.000đồng/ tháng.

Gia đình anh không ngăn cản việc chị T đón con, nhưng khi chị T đón con phải xin phép đảng hoàng tử tế; chứ không phải muốn đón con lúc nào thì đón. Nếu chị T thương con để cho anh được tiếp tục nuôi cháu N, thì anh sẽ nhất trí ly hôn. Khi được nuôi con chung, anh xin hứa sẽ đảm bảo quyền thăm hỏi con chung cho chị T.

*Về tài sản chung: Anh và chị T không có gì, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 56, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 2, Điều 26 Luật thi hành án dân sự; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận đơn khởi kiện của chị Đỗ Phương T, cho chị Đỗ Phương T được ly hôn anh Đỗ Văn P;

Về con chung: Giao cháu Đỗ Bảo N cho chị T trực tiếp chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng. Anh P không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho chị T; anh P có quyền, nghĩa vụ đi lại thăm nom con chung không ai được cản trở. Về tài sản chung: Không đặt ra xem xét, giải quyết. Án phí đương sự phải nộp theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng: Ngày 04 tháng 12 năm 2024, chị Đỗ Phương T; sinh năm 1998; địa chỉ: Thôn B, xã K, huyện M, thành phố Hà Nội, có đơn khởi kiện xin ly hôn anh Đỗ Văn P, sinh năm 1997, địa chỉ: Tổ dân phố X 2, phường P, thành phố P, tỉnh Vĩnh Phúc. Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ

luật tổng tụng dân sự; thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Phúc Yên, tỉnh Vĩnh Phúc;

[2]. Xét yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của chị Đỗ Phương T với anh Đỗ Văn P, Hội đồng xét xử nhận thấy: Chị T và anh P kết hôn trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, có đăng ký kết hôn ngày 17/9/2020 tại UBND phường P, thành phố P, tỉnh Vĩnh Phúc, đây là cuộc hôn nhân hợp pháp.

Qua xác minh tại địa phương, lời khai của bố mẹ chị T và bố mẹ anh P, lời khai của chị T và anh P cho thấy: Sau khi kết hôn chị T có về nhà anh P làm dâu ở chung với gia đình anh P. Nhưng vợ chồng chỉ sống hạnh phúc thời gian đầu, đến tháng 11 năm 2024 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do hai vợ chồng bất đồng quan điểm, không có tiếng nói chung, mâu thuẫn về cách thức làm ăn và chi tiêu tiền bạc. Theo anh P, chị T không kiểm soát được chi tiêu tiền; nên anh có bảo đưa tiền cho anh chi tiêu quản lý, nhưng chị T không nhất trí. Từ đó hai vợ chồng có lời qua tiếng lại với nhau, trong lúc tức giận hai bên đã xảy ra xô sát, anh P tát và bóp cổ chị T nhưng không gây ra thương tích. Chị T đã về nhà bố mẹ đẻ để sinh sống từ tháng 11 năm 2024 cho đến nay, hai bên gia đình cũng đã nói chuyện hàn gắn tình cảm giữa chị T với anh P nhưng không thành. Nay anh P cũng xác định không còn tình cảm với chị T nữa, nhưng anh chỉ nhất trí ly hôn khi chị T cho anh nuôi con chung. Từ đó cho thấy mâu thuẫn giữa chị T và anh P đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài. Nên, căn cứ vào khoản 1 Điều 56 và Điều 57 Luật hôn nhân và gia đình cần chấp nhận cho chị T được ly hôn anh P là phù hợp với quy định của pháp luật.

[5] Về con chung: Chị T và anh P có 01 con chung là cháu Đỗ Bảo N, sinh ngày 09/5/2021; hiện đang sinh sống cùng anh P.

Khi ly hôn chị T và anh P đều có nguyện vọng nuôi con chung và không yêu cầu bên kia cấp dưỡng. Xét nguyện vọng xin nuôi cháu Đỗ Bảo N của chị T và anh P là tự nguyện và chính đáng, việc giao con cho ai nuôi cần xem xét để đảm bảo sự phát triển và quyền lợi về mọi mặt của đứa trẻ. Trong thời gian cháu N sinh sống cùng anh P, chị T vẫn luôn quan tâm qua lại thăm hỏi, nhiều lần đóng tiền học cho cháu N (Tháng 8/2024, tháng 11/2024 và tháng 01/2025). Chị Đỗ Phương T hiện đang sinh sống tại nhà bố mẹ đẻ và chị có công việc thu nhập ổn định 12.000.000đồng/ tháng, hơn nữa cháu N còn nhỏ mới hơn 03 tuổi, nên thời gian này cháu rất cần bàn tay chăm sóc của người mẹ. Nên ly hôn cần giao cháu N cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc giáo dục và khi nuôi con chung chị T không yêu cầu anh P cấp dưỡng nuôi con là tự nguyện cần được chấp nhận. Anh P có quyền, nghĩa vụ đi lại thăm hỏi con chung không ai được cản trở.

[6] Về quan hệ tài sản: Quá trình chung sống chị T và anh P xác nhận không có tài sản chung, nên Tòa án không xem xét.

[7] Về án phí sơ thẩm: Chị Đỗ Phương T phải nộp theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 56, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 2, Điều 26 Luật thi hành án dân sự; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; xử:

1. Cho chị Đỗ Phương T được ly hôn anh Đỗ Văn P;
2. Về con chung: Giao cháu Đỗ Bảo N, sinh ngày 09/5/2021 cho chị Đỗ Phương T trực tiếp chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng. Anh Đỗ Văn P không phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung cho chị T; anh P có quyền, nghĩa vụ đi lại thăm nom con chung không ai được cản trở.

3. Về án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Chị Đỗ Phương T phải nộp 300.000đ tiền án phí sơ thẩm. Nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng), theo biên lai số: 0004221 ngày 17 tháng 12 năm 2024 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Phúc Yên; chị T đã nộp đủ án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo Bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND T.P Phúc Yên;
- Cơ quan T.H.A dân sự T.P Phúc Yên;
- UBND phường
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, văn phòng;

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Lưu Thị Thúy